

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**  
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2008**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 19

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Văn Thanh	Chủ tịch
Ông Trần Văn Thịnh	Ủy viên
Ông Nguyễn Á Phi	Ủy viên
Ông Đoàn Văn Thu	Ủy viên
Ông Nguyễn Quang Vinh	Ủy viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Trần Văn Thanh	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Á Phi	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Hồng Khánh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Thanh Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Anh	Phó Tổng Giám đốc

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

---

**Trần Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày      tháng      năm 2009.

## BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Gas Petrolimex**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty Cổ phần Gas Petrolimex (gọi tắt là “Công ty”) cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên**

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc tại trang 1, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 3 đến trang 19. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

### **Cơ sở của ý kiến**

Ngoại trừ các hạn chế dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

### **Hạn chế phạm vi kiểm toán**

Phạm vi kiểm toán của chúng tôi không bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty TNHH Cơ khí Gas PMG với tổng giá trị tài sản tại 31/12/2008 là 30.993.507.518 đồng (tại 31/12/2007: 32.222.326.145 đồng) và tổng số dư công nợ phải trả tại 31/12/2008 là 7.211.950.422 đồng (tại 31/12/2007: 8.428.510.299 đồng) và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty liên kết là Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn - Petrolimex cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008 với lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp là 4.921.767.752 đồng (năm 2007: 1.999.371.984 đồng) được trình bày trên các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con và công ty liên kết được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập khác. Do hạn chế này, công việc kiểm toán chỉ được thực hiện với các nghiệp vụ phát sinh trong Công ty Cổ phần Gas Petrolimex mà không bao gồm các nghiệp vụ phát sinh tại công ty con và công ty liên kết nêu trên.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các hạn chế trong phạm vi kiểm toán đã nêu trên liên quan tới các Báo cáo tài chính của các công ty con và công ty liên kết, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam, và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

---

**TS. Trần Văn Dũng**  
**Tổng Giám đốc**

Chúng tôi Kiểm toán viên số 283/KTV  
Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH (ACAGroup)**

**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Kreston International**

Ngày tháng năm 2009

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

---

**Chu Quang Tùng**  
**Kiểm toán viên**

Chúng tôi Kiểm toán viên số 1022/KTV

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

**MÁU B 01-DNHN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> <b>(100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>		<b>337.356.672.778</b>	<b>466.081.828.063</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>23.019.013.243</b>	<b>51.045.819.732</b>
1. Tiền	111		23.019.013.243	51.045.819.732
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>31.502.875.000</b>	<b>88.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		31.502.875.000	88.000.000.000
<b>III. Phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>207.787.404.077</b>	<b>212.104.861.321</b>
1. Phải thu khách hàng	131		209.602.860.951	223.567.962.926
2. Trả trước cho người bán	132		1.470.459.334	2.532.143.544
5. Các khoản phải thu khác	135		8.735.629.578	2.316.619.759
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(12.021.545.786)	(16.311.864.908)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>6</b>	<b>62.425.475.721</b>	<b>104.223.074.593</b>
1. Hàng tồn kho	141		62.425.475.721	104.223.074.593
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>12.621.904.737</b>	<b>10.708.072.417</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		711.681.031	288.695.160
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		7.734.576.116	9.877.375.055
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		3.463.305.755	24.298.301
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		712.341.835	517.703.901
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b> <b>(200 = 210+220+240+250+260)</b>	<b>200</b>		<b>411.290.993.173</b>	<b>377.001.203.011</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>242.024.094.024</b>	<b>186.600.750.397</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	7	136.459.892.328	146.612.790.959
- Nguyên giá	222		285.379.420.396	275.692.720.739
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(148.919.528.068)	(129.079.929.780)
3. Tài sản cố định vô hình	227	8	3.421.115.092	2.318.560.728
- Nguyên giá	228		4.858.819.171	3.657.819.171
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.437.704.079)	(1.339.258.443)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	102.143.086.604	37.669.398.710
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>38.527.741.101</b>	<b>55.455.983.051</b>
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	10	21.421.874.558	21.873.704.769
3. Đầu tư tài chính dài hạn khác	258	11	44.510.792.543	33.582.278.282
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	11	(27.404.926.000)	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>130.739.158.048</b>	<b>134.944.469.563</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	12	130.360.758.048	133.790.431.878
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	-	775.637.685
3. Tài sản dài hạn khác	268		378.400.000	378.400.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b> <b>(270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>748.647.665.951</b>	<b>843.083.031.074</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

**MẪU B 01-DNHN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2008	31/12/2007
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>236.716.147.348</b>	<b>295.806.883.019</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>143.917.169.382</b>	<b>232.717.055.827</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	14	58.834.710.316	18.574.145.328
2. Phải trả người bán	312		63.481.628.524	180.353.877.988
3. Người mua trả tiền trước	313		6.769.457.266	1.508.368.503
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	15	3.877.460.999	13.778.724.961
5. Phải trả công nhân viên	315		8.255.177.978	8.642.066.820
6. Chi phí phải trả	316		114.832.804	2.137.152.568
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319		2.412.901.495	7.435.352.124
10. Dự phòng phải trả nợ ngắn hạn	320		171.000.000	287.367.535
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>92.798.977.966</b>	<b>63.089.827.192</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333	16	92.255.782.982	62.656.026.079
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		543.194.984	433.801.113
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410+430)</b>	<b>400</b>	<b>17</b>	<b>500.278.555.627</b>	<b>535.617.178.290</b>
<b>I. Nguồn vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>497.637.796.444</b>	<b>532.285.445.447</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		250.000.000.000	250.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		145.188.119.554	145.188.119.554
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		(45.570.000)	(45.570.000)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		92.918.876.291	83.513.614.424
8. Quỹ Dự phòng tài chính	418		8.319.464.709	7.757.000.000
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		1.256.905.890	45.872.281.469
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>17</b>	<b>2.640.759.183</b>	<b>3.331.732.843</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		2.640.759.183	3.331.732.843
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>11.652.962.977</b>	<b>11.658.969.765</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400 + 439)</b>	<b>440</b>		<b>748.647.665.951</b>	<b>843.083.031.074</b>

Trần Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày tháng năm 2009

Nguyễn Hữu Quang  
Kế toán trưởng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
*Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008*

**MẪU B 02-DNHN**  
*Đơn vị: VND*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
<b>1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1</b>	<b>19</b>	<b>1.689.998.139.868</b>	<b>1.496.608.582.522</b>
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		1.771.864.746	1.639.138.247
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>1.688.226.275.122</b>	<b>1.494.969.444.275</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	20	1.516.644.598.392	1.310.603.591.324
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>171.581.676.730</b>	<b>184.365.852.951</b>
<b>6. Doanh thu hoạt động tài chính</b>	<b>21</b>	<b>21</b>	<b>28.833.193.286</b>	<b>23.072.555.172</b>
<b>7. Chi phí tài chính</b>	<b>22</b>	<b>22</b>	<b>53.200.397.767</b>	<b>19.656.123.885</b>
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6.103.115.709	4.164.140.576
8. Chi phí bán hàng	24		126.113.117.848	113.637.600.806
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		18.860.394.820	30.239.543.750
<b>10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}</b>	<b>30</b>		<b>2.240.959.581</b>	<b>43.905.139.682</b>
11. Thu nhập khác	31		2.327.990.006	12.394.508.700
12. Chi phí khác	32		2.541.671.819	3.020.343.838
<b>13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)</b>	<b>40</b>		<b>(213.681.813)</b>	<b>9.374.164.862</b>
<b>14. Lợi nhuận từ công ty liên kết, liên doanh</b>	<b>45</b>		<b>1.133.994.079</b>	<b>813.894.350</b>
<b>15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40 + 45)</b>	<b>50</b>		<b>3.161.271.847</b>	<b>54.093.198.894</b>
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	474.709.273	8.040.839.308
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	23	775.637.685	(680.119.503)
<b>18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)</b>	<b>60</b>		<b>1.910.924.889</b>	<b>46.732.479.089</b>
<i>Trong đó: - Lợi ích của cổ đông của công ty</i>			<i>1.361.197.728</i>	<i>46.061.029.917</i>
<i>- Lợi ích của cổ đông thiểu số</i>			<i>549.727.161</i>	<i>671.449.172</i>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	54	1.974

**Trần Văn Thanh**  
**Tổng Giám đốc**  
Hà Nội, ngày tháng năm 2009

**Nguyễn Hữu Quang**  
**Kế toán trưởng**

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
**(Theo phương pháp trực tiếp)**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**MẪU B 03-DNHN**

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2008	Năm 2007
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2.806.077.252.700	2.561.905.677.385
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.748.947.114.005)	(2.402.119.373.851)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(38.655.022.933)	(37.483.402.736)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(6.651.447.465)	(4.620.635.641)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(7.232.470.636)	(7.022.777.829)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		187.496.641.222	119.820.933.209
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(247.839.615.348)	(264.817.770.061)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(55.751.776.465)</b>	<b>(34.337.349.524)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(59.723.398.343)	(56.310.687.587)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		219.701.728	713.487.252
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(591.088.685.480)	(716.944.705.250)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		667.885.810.480	668.504.866.149
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(11.304.996.240)	(3.445.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		590.068.282	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		13.926.900.708	11.062.254.907
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>20.505.401.135</b>	<b>(96.419.784.529)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	167.784.698.500
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn được nhận	33		711.075.140.637	498.759.093.448
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(673.398.183.329)	(501.875.550.509)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.532.328.567)	(5.704.944.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>7.144.628.741</b>	<b>158.963.297.439</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b> <b>(50=20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>(28.101.746.589)</b>	<b>28.206.163.386</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>51.045.819.732</b>	<b>22.838.362.038</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		74.940.100	1.294.308
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b> <b>(70=50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>23.019.013.243</b>	<b>51.045.819.732</b>

Trần Văn Thanh  
Tổng Giám đốc  
Hà Nội, ngày tháng năm 2009

Nguyễn Hữu Quang  
Kế toán trưởng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Gas Petrolimex tiền thân là Công ty Gas thuộc Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam hoạt động theo Luật Doanh nghiệp Nhà nước, sau đó Công ty được chuyển sang hình thức Công ty cổ phần và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Quyết định số 1669/2003/QĐ/BTM ngày 03 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Thương mại. Thời điểm bàn giao sang Công ty cổ phần là ngày 01 tháng 01 năm 2004 theo Quyết định phê duyệt số 5786 TC/TCĐN ngày 21 tháng 05 năm 2004 của Bộ Tài chính.

Công ty được cấp Giấy phép niêm yết cổ phiếu theo quyết định số 65/UBCK-GPNY ngày 20/10/2006 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Ngày 24/11/2006, Cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết trên sàn chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31/12/2008 các Cổ đông chính của Công ty là Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam (sở hữu 52,36% số cổ phần) và các Cổ đông còn lại (sở hữu 47,64% số cổ phần).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 là 804 (năm 2007: 785).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103003549, Đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 6 năm 2007 với các ngành, nghề kinh doanh là: Xuất nhập khẩu và kinh doanh gas hóa lỏng; Kinh doanh kho bãi, vận tải, vật tư thiết bị, phụ kiện; Tư vấn đầu tư, chuyển giao công nghệ, bảo dưỡng, sửa chữa, lắp đặt và các dịch vụ thương mại và dịch vụ có liên quan đến phục vụ kinh doanh gas theo quy định của pháp luật; Dịch vụ thương mại; Kinh doanh địa ốc và bất động sản; Nạp khí dầu mỏ hóa lỏng vào chai (vò bình gas); Kiểm định, bảo dưỡng các loại vò bình gas.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN****Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty, Công ty TNHH Gas Hải Phòng, Công ty TNHH Gas Đà Nẵng, Công ty TNHH Gas Sài Gòn, Công ty TNHH Gas Cần Thơ và Công ty TNHH Cơ khí Gas P.M.G và tính ảnh hưởng về lợi ích gắn liền với công ty liên kết Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn – Petrolimex.

**Kỷ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

**3.1 Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

### **3.2 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập từ các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc thu mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Lợi ích của Cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của Cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của Cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của Cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của Cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của Cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi Cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của Cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của Cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

### **3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

### **3.4 Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ ba tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Theo Thông tư số 13/2006/TT- BTC ngày 27/02/2006, Công ty đã hoàn nhập những khoản dự phòng trên 3 năm với tổng giá trị là: 5.038.826.973 đồng.

### **3.5 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà xưởng, vật kiến trúc	15 - 30
Máy móc, thiết bị	6 - 10
Thiết bị văn phòng	4 - 6
Phương tiện vận tải	8 - 10

**3.7 Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, thể hiện giá trị quyền sử dụng diện tích đất tại số 322 Đường Điện Biên Phủ, Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam. Công ty không phân bổ quyền sử dụng đất do theo Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ban hành ngày 12 tháng 12 năm 2003 của Bộ Tài chính quyền sử dụng đất không thời hạn thì không phải trích khấu hao.

Phần mềm kế toán được phân bổ trong vòng 10 năm.

**3.8 Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 Đầu tư vào công ty con và công ty liên kết**

Công ty con là các công ty mà công ty sở hữu từ trên 50% trở lên và nắm giữ quyền kiểm soát. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Công ty liên kết là một công ty mà công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của công ty vào phần tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của công ty tại công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Trong trường hợp một công ty thành viên của công ty thực hiện giao dịch với một công ty liên kết với công ty, lãi/lỗ chưa thực hiện tương ứng với phần góp vốn của công ty vào công ty liên kết, được loại bỏ khỏi Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tại thời điểm lập Báo cáo, Công ty chưa tính ảnh hưởng của các khoản lợi tức từ việc góp vốn vào công ty con, công ty liên kết trên Báo cáo tài chính hợp nhất do chưa thu thập được đầy đủ cơ sở ghi nhận từ các bên liên quan.

**3.10 Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**3.11 Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị vỏ bình gas đã đưa vào sử dụng và các khoản chi phí trả trước có thời hạn lớn hơn một năm tài chính. Giá trị vỏ bình gas được phân bổ vào chi phí trong vòng 15 năm theo văn bản phê duyệt của Bộ Tài chính tại Công văn số 84 TCDN/TM ngày 12 tháng 11 năm 1999.

Ngoài ra, chi phí trả trước dài hạn còn bao gồm giá trị tiền thuê đất xây dựng Kho gas Đình Vũ với số tiền là 24.856.249.290 đồng và được phân bổ vào chi phí trong thời gian 488 tháng (bằng với thời hạn thuê) kể từ ngày thuê đất.

**3.12 Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được**

Ký quỹ, ký cược vỏ bình gas nhận được từ khách hàng được phân bổ vào thu nhập tương ứng với thời hạn phân bổ giá trị vỏ bình gas (15 năm). Phương pháp hạch toán ký quỹ, ký cược vỏ bình gas này đã được Bộ Tài chính phê duyệt tại Công văn số 7640/CV-BTC ngày 21/6/2005.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu từ việc bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

**3.14 Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá liên ngân hàng tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**3.15 Chi phí lãi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***3.16 Thuế**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 28% tính trên thu nhập chịu thuế. Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong hai năm (2004 và 2005) và được miễn thuế 50% trong ba năm tiếp theo (từ 2006 đến 2008) theo qui định của Nhà nước về chuyên doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần đồng thời được giảm 50% cho hai năm kế tiếp (năm 2009-2010) do công ty thực hiện niêm yết và giao dịch cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong năm 2006. Năm 2008 là năm thứ ba Công ty chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 14%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Công ty chưa tính ảnh hưởng của phần lỗ từ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty Công ty TNHH Gas Sài Gòn đến số thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong báo cáo của năm hiện tại.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Các khoản thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	4.893.738.940	4.107.855.526
Tiền gửi ngân hàng	18.037.274.303	46.937.964.206
Tiền đang chuyển	88.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>23.019.013.243</b>	<b>51.045.819.732</b>

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng	31.502.875.000	65.000.000.000
Cho Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex vay	-	23.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>31.502.875.000</b>	<b>88.000.000.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU B 09-DNHN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***6. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Hàng mua đang đi trên đường	5.860.681.573	11.538.211.964
Nguyên liệu, vật liệu	17.365.536.998	15.931.536.045
Công cụ, dụng cụ	1.244.240.000	8.393.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	2.662.039.674	424.852.883
Thành phẩm	511.235.678	34.910.998
Hàng hoá	34.498.733.978	76.037.494.531
Hàng gửi đi bán	283.007.820	247.675.172
<b>Cộng</b>	<b><u>62.425.475.721</u></b>	<b><u>104.223.074.593</u></b>

**7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư tại</b>					
<b>31/12/2007</b>	<b>173.538.030.241</b>	<b>61.634.565.499</b>	<b>37.921.394.085</b>	<b>2.598.730.914</b>	<b>275.692.720.739</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>2.471.953.863</b>	<b>3.449.551.370</b>	<b>5.150.265.561</b>	<b>670.523.380</b>	<b>11.742.294.174</b>
Mua trong năm	1.068.217.609	3.134.783.354	4.862.319.695	554.923.155	9.620.243.813
Đầu tư XD CB hoàn thành	1.403.736.254	314.768.016	-	115.600.225	1.834.104.495
Tăng khác	-	-	287.945.866	-	287.945.866
<b>Giảm trong năm</b>	<b>1.293.117.916</b>	<b>619.587.609</b>	<b>78.857.143</b>	<b>64.031.849</b>	<b>2.055.594.517</b>
Thanh lý, nhượng bán	692.717.916	350.061.515	78.857.143	64.031.849	1.185.668.423
Giảm khác	600.400.000	269.526.094	-	-	869.926.094
<b>Số dư tại</b>					
<b>31/12/2008</b>	<b><u>174.716.866.188</u></b>	<b><u>64.464.529.260</u></b>	<b><u>42.992.802.503</u></b>	<b><u>3.205.222.445</u></b>	<b><u>285.379.420.396</u></b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư tại</b>					
<b>31/12/2007</b>	<b>75.338.558.628</b>	<b>31.685.619.130</b>	<b>20.174.614.391</b>	<b>1.881.137.631</b>	<b>129.079.929.780</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>11.279.883.477</b>	<b>5.766.528.003</b>	<b>3.266.173.886</b>	<b>295.531.367</b>	<b>20.608.116.733</b>
Khấu hao trong năm	11.279.883.477	5.766.528.003	3.266.173.886	295.531.367	20.608.116.733
<b>Giảm trong năm</b>	<b>329.679.680</b>	<b>314.288.645</b>	<b>60.518.271</b>	<b>64.031.849</b>	<b>768.518.445</b>
Thanh lý, nhượng bán	199.536.680	75.887.551	60.518.271	64.031.849	399.974.351
Giảm khác	130.143.000	238.401.094	-	-	368.544.094
<b>Số dư tại</b>					
<b>31/12/2008</b>	<b><u>86.288.762.425</u></b>	<b><u>37.137.858.488</u></b>	<b><u>23.380.270.006</u></b>	<b><u>2.112.637.149</u></b>	<b><u>148.919.528.068</u></b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại 31/12/2007</b>	<b><u>98.199.471.613</u></b>	<b><u>29.948.946.369</u></b>	<b><u>17.746.779.694</u></b>	<b><u>717.593.283</u></b>	<b><u>146.612.790.959</u></b>
<b>Tại 31/12/2008</b>	<b><u>88.428.103.763</u></b>	<b><u>27.326.670.772</u></b>	<b><u>19.612.532.497</u></b>	<b><u>1.092.585.296</u></b>	<b><u>136.459.892.328</u></b>

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá trị nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị quản lý với nguyên giá là 33.963.153.042 đồng đã khấu hao hết tại ngày 31/12/2008 nhưng vẫn đang còn sử dụng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU B 09-DNHN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm kế toán VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư tại 31/12/2007	3.581.259.909	76.559.262	3.657.819.171
Tăng trong năm	-	1.201.000.000	1.201.000.000
Mua trong năm	-	1.201.000.000	1.201.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>3.581.259.909</b>	<b>1.277.559.262</b>	<b>4.858.819.171</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư tại 31/12/2007	1.291.258.977	47.999.466	1.339.258.443
Khấu hao trong năm	-	98.445.636	98.445.636
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>1.291.258.977</b>	<b>146.445.102</b>	<b>1.437.704.079</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại 31/12/2007	2.290.000.932	28.559.796	2.318.560.728
Tại 31/12/2008	2.290.000.932	1.131.114.160	3.421.115.092

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm hệ thống kế toán với nguyên giá là 33.959.262 đồng, đã khấu hao hết tại ngày 31/12/2008 nhưng vẫn đang còn sử dụng.

**9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Công trình kho LPG DonBang	-	1.702.744.473
Công trình mở rộng kho gas Đình Vũ	88.606.530.014	31.813.526.221
Cao ốc văn phòng 322 Điện Biên Phủ	2.758.887.990	170.832.881
Công trình kho gas Công ty Nhôm Huyndai	1.459.308.323	1.745.895.274
Nhà văn phòng chi nhánh gas tại Huế	3.367.330.909	-
Công trình Hyosung Việt nam	2.293.498.367	-
Công trình kho LPG tại Đà Nẵng (tiền đất)	3.367.330.909	-
Công trình khác	290.200.092	2.236.399.861
<b>Cộng</b>	<b>102.143.086.604</b>	<b>37.669.398.710</b>

**10. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT**

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Giá trị khoản đầu tư gốc	20.280.374.426	20.280.374.426
Phần kết quả thuần chưa phân phối	115.880.578	567.710.789
Thặng dư vốn cổ phần của công ty liên kết	1.025.619.554	1.025.619.554
<b>Cộng</b>	<b>21.421.874.558</b>	<b>21.873.704.769</b>

Đầu tư vào Công ty liên kết thể hiện giá trị vốn góp vào Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn - Petrolimex với tỷ lệ góp vốn tương ứng với quyền biểu quyết tại 31/12/2008 là 23% (tại 31/12/2007 là 23%).

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU B 09-DNHN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**11. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC**

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
Đầu tư cổ phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán.	31.810.597.726	30.166.532.045
Đầu tư dài hạn khác	12.700.194.817	3.415.746.237
<b>Cộng</b>	<b>44.510.792.543</b>	<b>33.582.278.282</b>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(27.404.926.000)	-
<b>Cộng</b>	<b>17.105.866.543</b>	<b>33.582.278.282</b>

**12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	Tiền thuê đất VND	Vỏ bình gas VND	Chi phí khác VND	Cộng VND
<b>Tại ngày 31/12/2007</b>	<b>24.214.659.310</b>	<b>109.401.220.518</b>	<b>174.552.150</b>	<b>133.790.431.878</b>
Tăng trong năm	-	1.239.854.161.092	4.377.334.824	1.244.231.495.916
Phân bổ vào chi phí trong năm	(789.370.401)	(1.163.198.955.724)	(2.154.927.434)	(1.166.143.253.559)
Giảm khác	-	(81.517.916.187)	-	(81.517.916.187)
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>23.425.288.909</b>	<b>104.538.509.699</b>	<b>2.396.959.540</b>	<b>130.360.758.048</b>

Tiền thuê đất phản ánh giá trị hợp đồng thuê đất ký ngày 01 tháng 09 năm 2006 giữa Công ty với Công ty liên doanh TNHH phát triển Đình Vũ. Theo hợp đồng, Công ty thực hiện thuê 3 ha (30.000m<sup>2</sup>) để xây dựng kho Đình Vũ, khu đất có ký hiệu Cn 5.2B, thời hạn thuê 488 tháng đến hết ngày 02/4/2047 với đơn giá thuê cho toàn bộ thời gian thuê là 51,5 USD/m<sup>2</sup> và tổng giá trị hợp đồng thuê đất là 1.545.000,00 USD. Công ty đã thanh toán toàn bộ tiền thuê đất trong năm 2006, 2007. Công ty thực hiện phân bổ chi phí thuê đất vào báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian thuê.

**13. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI**

	Chi phí dự phòng và các khoản dự phòng khác VND
<b>Tại ngày 31/12/2007</b>	<b>775.637.685</b>
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại	775.637.685
<b>Tại ngày 31/12/2008</b>	<b>-</b>

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2008 VND	31/12/2007 VND
<b>Vay ngắn hạn</b>		
<b>Ngân hàng Đầu tư &amp; Phát triển Việt nam- Chi nhánh Hà Thành:</b>	<b>35.631.474.316</b>	<b>6.512.273.311</b>

Số dư đầu kỳ khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Chi nhánh Hà Thành là số dư nợ của hợp đồng vay với hạn mức tín dụng là 40.000.000.000 đồng. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.



**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**

775 Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU B 09-DNHN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**14. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (tiếp theo)**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Số dư cuối kỳ của khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Chi nhánh Hà Thành là số dư nợ gốc của hợp đồng tín dụng ngắn hạn hạn mức số 122/2008/0001021 ngày 18 tháng 7 năm 2008 hạn mức tín dụng là 4.000.000USD. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	35.631.474.316	-
<b>Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam</b>	<b>21.000.000.000</b>	<b>10.289.332.017</b>
Số dư của khoản vay từ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam là số dư nợ gốc của hợp đồng Hạn mức tín dụng 180 tỷ ngày 24 tháng 10 năm 2008. Lãi suất cho vay áp dụng theo từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.	21.000.000.000	-
Các khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam với hạn mức tín dụng là 150 tỷ đồng, các lần rút vốn sẽ đáo hạn tối đa không quá 3 tháng kể từ ngày rút vốn cho đến khi trả nợ xong. Nợ tính cho từng lần rút vốn được ghi trên giấy nhận nợ. Các khoản vay này được rút bằng cả VND và USD. Lãi vay được quy định cụ thể tên từng lần nhận nợ. Các khoản vay ngắn hạn này nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho Công ty.	-	10.289.332.017
<b>Ngân hàng TMCP xăng dầu Petrolimex</b>	-	<b>1.772.540.000</b>
Các khoản vay này đã trả hết trong năm	-	1.772.540.000
<b>Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh</b>	<b>2.203.236.000</b>	-
Vay ngắn hạn bằng đồng USD của Ngân hàng Ngoại Thương Thành phố Hồ Chí Minh của Công ty con P.M.G	2.203.236.000	-
<b>Cộng vay ngắn hạn</b>	<b>58.834.710.316</b>	<b>18.574.145.328</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>58.834.710.316</b>	<b>18.574.145.328</b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Thuế giá trị gia tăng	2.581.997.197	10.219.377.045
Thuế xuất, nhập khẩu	990.298.138	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.376.126.925
Thuế thu nhập cá nhân	305.165.664	-
Các loại thuế khác	-	183.220.991
<b>Cộng</b>	<b>3.877.460.999</b>	<b>13.778.724.961</b>

**16. PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền ký cược vỏ bình gas nhận được	92.255.782.982	62.162.026.079
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn khác	-	494.000.000
<b>Cộng</b>	<b>92.255.782.982</b>	<b>62.656.026.079</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**

775 Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)****MẪU B 09-DNHN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Quỹ khen thưởng, phúc lợi VND	Tổng cộng VND
<b>Số dư tại 31/12/2006</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>27.500.000.000</b>	<b>(45.570.000)</b>	<b>26.953.607.449</b>	<b>73.678.959.322</b>	<b>7.157.000.000</b>	<b>2.246.248.869</b>	<b>337.490.245.640</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>50.000.000.000</b>	<b>117.688.119.554</b>	-	<b>46.090.359.564</b>	<b>9.834.655.102</b>	<b>600.000.000</b>	<b>4.737.030.442</b>	<b>228.950.164.662</b>
Tăng vốn	50.000.000.000	116.662.500.000	-	46.061.029.917	9.834.655.102	600.000.000	4.737.030.442	227.895.215.461
Tăng khác	-	1.025.619.554	-	29.329.647	-	-	-	1.054.949.201
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>27.171.685.544</b>	-	-	<b>3.651.546.468</b>	<b>30.823.232.012</b>
Giảm vốn	-	-	-	27.171.685.544	-	-	-	27.171.685.544
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	3.651.546.468	3.651.546.468
<b>Số dư tại 31/12/2007</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>145.188.119.554</b>	<b>(45.570.000)</b>	<b>45.872.281.469</b>	<b>83.513.614.424</b>	<b>7.757.000.000</b>	<b>3.331.732.843</b>	<b>535.617.178.290</b>
<b>Tăng trong năm</b>	-	-	-	<b>1.361.197.728</b>	<b>9.405.261.867</b>	<b>562.464.709</b>	<b>4.599.693.800</b>	<b>15.928.618.104</b>
Tăng vốn	-	-	-	-	9.405.261.867	562.464.709	4.599.693.800	14.567.420.376
Lãi	-	-	-	1.361.197.728	-	-	-	1.361.197.728
<b>Giảm trong năm</b>	-	-	-	<b>45.976.573.307</b>	-	-	<b>5.290.667.460</b>	<b>51.267.240.767</b>
Giảm vốn	-	-	-	45.976.573.307	-	-	5.290.667.460	51.267.240.767
<b>Số dư tại 31/12/2008</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>145.188.119.554</b>	<b>(45.570.000)</b>	<b>1.256.905.890</b>	<b>92.918.876.291</b>	<b>8.319.464.709</b>	<b>2.640.759.183</b>	<b>500.278.555.627</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU B 09-DNHN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)****Vốn Điều lệ**

Tại ngày 31/12/2008 và 31/12/2007 vốn Điều lệ đã góp đủ như sau :

Tên cổ đông	Theo Giấy phép Kinh doanh		31/12/2008	31/12/2007
	VND	(%)	VND	VND
Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam	130.907.000.000	52,36%	130.907.000.000	130.907.000.000
Các Cổ đông khác	119.093.000.000	47,64%	119.093.000.000	119.093.000.000
<b>Cộng</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>250.000.000.000</b>	<b>250.000.000.000</b>

**18. CỔ TỨC**

Công ty chưa có kế hoạch chi trả cổ tức của năm tài chính 2008.

**19. DOANH THU BÁN HÀNG, DỊCH VỤ**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Doanh thu bán hàng	1.681.225.216.951	1.487.711.812.250
Doanh thu dịch vụ	8.772.922.917	8.896.770.272
<b>Cộng</b>	<b>1.689.998.139.868</b>	<b>1.496.608.582.522</b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Giá vốn của hàng hóa, thành phẩm đã bán	1.505.137.955.378	1.304.141.234.338
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.506.643.014	6.462.356.986
<b>Cộng</b>	<b>1.516.644.598.392</b>	<b>1.310.603.591.324</b>

**21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2008 VND	Năm 2007 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	12.205.787.360	11.219.289.611
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.359.719.240	42.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.983.033.980	9.829.056.576
Lãi bán hàng trả chậm	1.389.482.952	1.154.670.711
Doanh thu hoạt động tài chính khác	895.169.754	827.538.274
<b>Cộng</b>	<b>28.833.193.286</b>	<b>23.072.555.172</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU B 09-DNHN***Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***22. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	6.103.115.709	4.164.140.576
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	42.465.477.204	9.923.190.729
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	648.868.282	1.082.251.550
Chi phí hoạt động tài chính khác	3.982.936.572	4.486.541.030
<b>Cộng</b>	<b>53.200.397.767</b>	<b>19.656.123.885</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	474.709.273	8.040.839.308
Thuế thu nhập hoãn lại (thuyết minh số 13)	775.637.685	(680.119.503)
<b>Cộng</b>	<b>1.250.346.958</b>	<b>7.360.719.805</b>

(\*) Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bao gồm số thuế thu nhập doanh nghiệp của 04 công ty: Văn phòng Công ty, Công ty TNHH Gas Hải Phòng, Công ty TNHH Gas Đà Nẵng, và Công ty TNHH Gas Cần Thơ. Trong năm 2008, do kết quả kinh doanh của Công ty TNHH Gas Sài Gòn bị lỗ nên công ty không xác định số thuế thu nhập doanh nghiệp.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lợi nhuận để tính lãi trên cổ phiếu	1.361.197.728	46.061.029.917
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi trên cổ phiếu cơ bản	24.997.060	23.328.767
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	54	1.974

**25. CÁC KHOẢN CAM KẾT**

Khoản cam kết thực hiện mở rộng sản xuất và cơ sở vật chất kỹ thuật theo kế hoạch đầu tư đã được phê duyệt trong năm 2007 vẫn đang được thực hiện trong năm 2008.

**CÔNG TY CỔ PHẦN GAS PETROLIMEX**775 Đường Giải Phóng, Quận Hoàng Mai  
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)****MẪU B 09-DNHN**

Các Thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	<b>Năm 2008</b>	<b>Năm 2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Giao dịch với Tổng công ty Xăng dầu và các đơn vị thành viên</i>		
Bán hàng cho các đơn vị thành viên Tổng Công ty Xăng dầu	304.443.313.501	264.896.021.489
Nhận vốn góp cổ phần từ Tổng công ty Xăng dầu	-	87.707.690.000
Trả Tổng Công ty Xăng dầu Việt Nam về cổ tức và nợ 2006	-	95.198.720.930
<i>Giao dịch với các Công ty con, Công ty liên kết</i>		
Cho Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex vay	-	4.000.000.000
Nhận lại tiền vay từ Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex	23.000.000.000	12.700.000.000
<b>Số dư với các bên liên quan</b>		
	<b>31/12/2008</b>	<b>31/12/2007</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<i>Số dư với Tổng Công ty Xăng dầu và các đơn vị thành viên</i>		
Phải trả Tổng Công ty Xăng dầu	-	300.000
Phải thu các đại lý trong Tổng Công ty về tiền hàng hóa	27.612.768.183	11.054.167.198
<i>Số dư với các Công ty con, Công ty liên kết</i>		
Vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex	20.280.374.426	20.280.374.426
Cho Công ty Cổ Phần Taxi Gas Sài Gòn Petrolimex vay	-	23.000.000.000

**27. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN**

Công ty không phát sinh sự kiện nào sau ngày kết thúc niên độ kế toán.

**28. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2007 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam. Một số số liệu của kỳ Báo cáo trước được phân loại lại để phù hợp cho việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất năm nay.

\*

\* \*